

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 294/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 12 – 2017

V/v “Tranh chấp của nam, nữ
chung sống với nhau như vợ chồng
mà không đăng ký kết hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Mười
2. Ông Ngô Hoàng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thúy Dung, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 968/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 948/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Anh Trương Văn Th, sinh năm: 1979, (có mặt).

Địa chỉ: Số 409, Lê Hồng Phong, khóm 6, phường 3, thành phố Tr, tỉnh S Tr.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Ngọc D (Diệu), sinh năm: 1980, (có mặt).

Địa chỉ: Số 132/63, Lý Văn Lâm, khóm 2, phường 1, Tp.C, tỉnh Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Trương Văn Th trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Ngọc D xác lập quan hệ vợ chồng và chung sống với nhau từ năm 2004, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống anh, chị phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng anh luôn bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không thể hòa hợp được với nhau nên anh và chị đã tự ly thân từ năm 2016 đến nay.

Từ nội dung trên, anh Th nhận thấy tình cảm của anh và chị D không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống và duy trì mối quan hệ vợ chồng được nữa nên anh yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

- Về con chung: Anh, chị xác định có 02 người con chung tên Trương Thành Đ, sinh ngày 06/01/2007 và Trương Tấn L, sinh ngày 19/02/2012, hiện cháu Đ đang sống với anh Th; cháu L đang sống với chị D. Khi giải quyết mối quan hệ hôn nhân của anh và chị D, anh đồng ý giao cháu L cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Đ, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh Th, chị D xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Th, chị D khai rằng giữa anh và chị không có nợ chung và không ai nợ lại anh, chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị D không đăng ký kết hôn theo quy định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trên thực tế, anh Trương Văn Th và chị Nguyễn Ngọc D có quen biết nhau và nảy sinh tình cảm, sau đó tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 đến đầu năm 2016, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không có đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh, chị đã vi phạm về đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Cho nên việc kết hôn là không thỏa mãn về mặt hình thức, nay anh Th yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân do có nhiều mâu thuẫn, về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, trong thời gian chung sống vài năm trước đây, anh, chị luôn bất đồng quan điểm về việc làm ăn, sinh hoạt gia đình rồi thường xuyên cãi vã, gây bất hòa với nhau mà không bên nào có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. Bên cạnh đó, anh Th và chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh, chị đã tự ly thân từ đầu năm 2016 đến nay. Theo quy định tại điểm b khoản 3 của Nghị quyết 35 của Quốc hội quy định: Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì Tòa án áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 17 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Mặt khác, căn cứ khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp thì trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con ... thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình. Xét mâu thuẫn thực tế của vợ chồng anh, chị đến mức trầm trọng, đời sống chung hiện tại cũng không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Th và chị D xác định giữa anh, chị có 02 người con chung là Trương Thành Đ, sinh ngày 06/01/2007 và Trương Tấn L, sinh ngày 19/02/2012, hiện cháu Đ đang sống với anh Th; cháu L đang sống với chị D. Khi giải quyết mối quan hệ hôn nhân của anh và chị D, anh đồng ý giao cháu L cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; anh yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Đ, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc tự nguyện thỏa thuận giữa anh Th và chị D là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Anh Th và chị D vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Anh Th và chị D xác định giữa anh, chị không có tài sản chung nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh Th và chị D khai rằng giữa anh, chị không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh Trương Văn Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Anh Trương Văn Th và chị Nguyễn Ngọc D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Áp dụng khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp;

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trương Văn Th và chị Nguyễn Ngọc D (Nguyễn Ngọc Diệu).

2 - Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Trương Văn Th và chị Nguyễn Ngọc D là giao cháu Trương Thành Đ, sinh ngày 06/01/2007 cho anh Trương Văn Th tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trương Tấn L, sinh ngày 19/02/2012 cho chị Nguyễn Ngọc D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Anh Th và chị D vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3 - Về tài sản chung: Anh Th và chị D xác định không có nên không đặt ra xem xét.

4 - Về nợ chung: Anh Th và chị D khai không thiếu nợ ai và không ai nợ lại anh, chị nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Anh Trương Văn Th phải chịu 300.000đ. Ngày 07 tháng 12 năm 2017, anh Th đã nộp tiền tạm ứng án phí

dân sự sơ thẩm là 300.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số: 84 được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

6 - Về quyền kháng cáo: Anh Trương Văn Th và chị Nguyễn Ngọc D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp.Cà Mau;
- THADS Tp.Cà Mau;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hứa Minh Hải